

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HN-ST

Ngày: 30/9/2020.

V/v: “Tranh chấp về ly hôn,  
nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Ông Cao Văn Chuộng

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thuỳ D

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh H. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Trí T.

Địa chỉ: ấp V, thị trấn B, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị Thuỳ D trình bày:* Chị và anh Nguyễn Trí T chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn thị trấn B, huyện C, tỉnh H theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/2011, quyển số 01, ngày 11/7/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T có người phụ nữ khác không chăm lo cho vợ con, chị và anh T đã sống ly thân kể từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh Trun có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 20/11/2011; Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Ngọc Gia P, sinh ngày 30/01/2017 và Nguyễn Ngọc Gia Q, sinh ngày 16/8/2019, hiện tại các con đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn **anh Nguyễn Trí T** quá trình giải quyết đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị Thuỳ D phát biểu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Nguyễn Trí T tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn Tòa xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Trí T hiện tại có nơi cư trú tại ấp V, thị trấn B, huyện C, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Trí T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

#### **Về nội dung tranh chấp:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuỳ D và anh Nguyễn Trí T chung sống với nhau từ năm 2011, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị D cho rằng anh T có người phụ nữ khác bên ngoài nên không chăm lo cho vợ con nên từ đó cuộc sống hôn nhân của anh chị mất hạnh phúc và yêu cầu được ly hôn. Toà án đã mở phiên hoà giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh T không đến tham dự. Anh T biết chị D yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến, hơn nữa chị D cho rằng chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay nhưng các bên không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thuỳ D được ly hôn với anh Nguyễn Trí T.

[2]. Về con chung: Chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung. Xét thấy chị D và anh T sống với nhau có 04 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H. Giới tính: Nữ, sinh ngày 20/11/2011; Nguyễn Ngọc C. Giới tính: Nam, sinh ngày

25/9/2014; Nguyễn Ngọc Gia P. Giới tính: Nam, sinh ngày 30/01/2017 và Nguyễn Ngọc Gia Q. Giới tính: Nam, sinh ngày 16/8/2019 kể từ lúc ly thân cho đến nay do chị D trực tiếp chăm sóc, việc chị D có yêu cầu ly hôn và nuôi con đã được Toà án thông báo cho anh T nhưng anh T vẫn chưa thể hiện ý kiến gì, trong 04 con chung có cháu H đã trên 7 tuổi và tại tờ nêu ý kiến của cháu H thể hiện khi cha mẹ không chung sống với nhau cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy để không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị D.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyễn Thị Thuỳ D chịu án phí theo mức không có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các **Điều 56, 81, 82, 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thuỳ D được ly hôn với anh Nguyễn Trí T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H. Giới tính: Nữ, sinh ngày 20/11/2011; Nguyễn Ngọc C. Giới tính: Nam, sinh ngày 25/9/2014; Nguyễn Ngọc Gia P. Giới tính: Nam, sinh ngày 30/01/2017 và Nguyễn Ngọc Gia Q. Giới tính: Nam, sinh ngày 16/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Thuỳ D được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trí T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị D chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Trí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thuỳ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0003729 ngày 18/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị Nguyễn Thị Thuỳ D không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND thị trấn Bảy Ngàn.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

**Trần Minh Mẫn**